TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 42/2022/HNGĐ- ST Ngày 30-9 -2022 *(V/v tranh chấp ly hôn)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Hòa; ông Nguyễn Xuân Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Phan Thị Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên toà: bà Hồ Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLST- HNGĐ ngày 27/7/2022 về việc "Kiện xin li hôn" giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Quách Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: anh Trương Văn L, sinh năm 1987

Địa chỉ: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin li hôn đề ngày 19/7/2022 và các lời khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Quách Thị T trình bày: Ngày 31/7/2013, chị và anh Trương Văn L đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.Tuy nhiên, sau khi cưới thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vì không có quan điểm chung trong cuộc sống, không quan tâm đến nhau. Cả hai bên vợ chồng đã tìm cách tự hóa giải nhưng vẫn không thành; cuộc sống luôn căng thẳng, không thể hàn gắn được nên đã li thân từ bốn năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin li hôn với anh L.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Minh Th, sinh ngày 26/9/2012. Hiện cháu đang do anh nuôi dưỡng nên chị không yêu cầu quyền nuôi con và xin được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị xin chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Trương Văn L có mặt tại địa phương nhưng không hợp tác với Tòa án, sau khi khai nại thì không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa. Anh công nhận trong bản khai nội dung như chị trình bày và cũng có nguyện vọng xin được nuôi con.

Hội phụ nữ xã N cũng xác nhận giữa anh L và chị T có mâu thuẫn và vợ chồng đã li thân nhiều năm nay.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước lúc nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc thụ lý đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56; 81, 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình cho chị Quách Thị T được li hôn anh Trương Văn L; Giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng; Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai các đương sự, họp phiên công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải hợp lệ; việc các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác làm việc nên Tòa án mở phiên tòa để xét xử theo quy định.

{2} Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét ngày 31/7/2013, chị Quách Thị T và anh Trương Văn L đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp.

- Về tình cảm: Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống li thân đã lâu. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp thuận ý kiến của chị T, cho chị được li hôn với anh Trương Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trương Minh Th, sinh ngày 26/9/2012. Từ khi vợ chồng li thân đến nay, cháu sinh sống cùng bố. Xét để đảm bảo cho cháu có môi trường sống quen thuộc, đảm bảo ổn định tâm sinh lí nên cần tiếp tục giao cháu cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị Quách Thị T.

{2.3} Về tài sản chung, nợ và cho vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

{2.4} Về án phí: chị Quách Thị T phải chịu 300.000đ án phí li hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 80, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 bộ luật Tố tụng Dân sự; Xử:

{1} Về tình cảm: Cho chị Quách Thị T được li hôn anh Trương Văn L

{2} Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Minh Th, sinh ngày 26/9/2012. Giao con chung là cháu Trương Minh Th cho anh Trương Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Quách Thị T có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu); thời gian đóng góp bắt đầu từ 01/10/2022 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Quách Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu chị T lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của chị Quách Thị T.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

{3} Về tài sản chung: Không

{4} Về án phí: chị Quách Thị T phải chịu 300.000đồng án phí li hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai số 0005407 ngày 27/7/2022; Chị Quách Thị T còn phải nạp tiếp 300.000 đồng.

{5} Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Nggghi Lộc
- Chi cục THA dân sự h. Nghi Lộc
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã N
- Lưu Hồ sơ

Tm/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Loan Hòa